

Bàn về quan điểm trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam đến năm 2030

Hoàng Lan Chi*, Hoàng Xuân Long**

**, ** Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ*

Ngày nhận bài: 16/05/2021, ngày gửi phản biện: 16/03/2022, ngày duyệt đăng: 28/04/2022

Quan điểm có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST). Vai trò quan trọng của quan điểm đòi hỏi cách thức thể hiện phù hợp. Quan điểm về Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 không chỉ cần được biểu đạt rõ ràng mà còn phải hình thành trên cơ sở khoa học và so sánh với quan điểm trong Chiến lược khoa học - công nghệ giai đoạn 10 năm trước, Chiến lược kinh tế - xã hội giai đoạn 10 năm tới và với quan điểm trong Chiến lược KH,CN&ĐMST của các nước. Các quan hệ chi phối quá trình xác định quan điểm có ý nghĩa đảm bảo độ tin cậy cao cho các nội dung được đề xuất.

Từ khóa: Chiến lược, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST), quan điểm, Việt Nam

Mở đầu

Quan điểm luôn có ý nghĩa dẫn dắt tư duy phát triển thông qua làm sáng tỏ những vấn đề mấu chốt, những mâu thuẫn cơ bản nảy sinh trong phân tích các nội dung của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST). Với vai trò quan trọng, quan điểm phải được xác định dựa trên những căn cứ phù hợp và tính thuyết phục. Trong Chiến lược KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030, quan điểm cần thể hiện được tính thừa kế và điểm mới, tính tương thích với các lĩnh vực khác và tính riêng trong phát triển KH,CN&ĐMST của Việt Nam so với thế giới.

1. Quan điểm trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam đến năm 2030: Từ điểm nhìn so sánh

1.1. So sánh với quan điểm trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011-2020

Quan điểm trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (ban hành theo Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/4/2012) có ý nghĩa quan trọng đối với xác định quan điểm chiến lược KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Gắn kết quan điểm của hai

** hoangxuan_long@yahoo.com

kỳ chiến lược thể hiện tính kế thừa, tính liên tục, tính phát triển giữa các giai đoạn lịch sử. Mặt khác, quan điểm trong chiến lược KH&CN giai đoạn 10 năm qua vốn được xây dựng gắn với đặc điểm riêng của Việt Nam, lại được kiểm chứng qua thực tế phát triển của đất nước. Đây là điều cần triệt để khai thác trong định hình quan điểm KH,CN&ĐMST giai đoạn 10 năm tới.

Sự kế thừa và phát triển đối với quan điểm Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn trước được thực hiện thông qua các phân tích như:

- Thừa kế những nội dung quan điểm được khẳng định qua thực tế trên các mặt: (1) Vào được cuộc sống; (2) Đóng góp vào sự phát triển; (3) Có tác động tới những bất cập kìm hãm phát triển và thực tế đòi hỏi phải tiếp tục phát huy; (4) Bối cảnh phát huy không mất đi...

- Loại trừ những nội dung quan điểm đã bộc lộ hạn chế trong thực tế như: (1) Thiếu xác định rõ ràng, thống nhất; (2) Khó phát huy trên thực tế; (3) Không còn là cơ bản, điển hình trong giai đoạn tới...

- Bổ sung những nội dung quan điểm cần thiết và có thể nhấn mạnh do: (1) Trình độ phát triển của giai đoạn từ nay đến năm 2030 gần với mục tiêu hoàn thành công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước hơn (giai đoạn sắp tới có tính chất bản lề để thực hiện mục tiêu phát triển nhảy vọt ở nước ta); (2) Có những bối cảnh mới; (3) Thêm nhận thức mới...

Qua phân tích cho kết quả là:

- Một số nội dung quan điểm trong văn bản Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 có thể tiếp tục phát huy trong giai đoạn chiến lược mới và có mặt trong văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030:

+ Vai trò là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. KH&CN phải đóng vai trò chủ đạo để tạo được bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý và cơ chế hoạt động KH&CN.

+ Tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia.

+ Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ KH&CN quốc gia, các sản phẩm quốc gia. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển KH&CN.

- Một số nội dung quan điểm trong văn bản Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 có thể loại trừ trong giai đoạn chiến lược mới và vắng mặt trong văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030:

+ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng.

+ Phát triển thị trường KH&CN gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo KH&CN.

+ Hội nhập quốc tế về KH&CN là mục tiêu, đồng thời là giải pháp quan trọng để góp phần đưa KH&CN Việt Nam sớm đạt trình độ quốc tế. Hội nhập quốc tế về KH&CN phải được thực hiện tích cực, chủ động, sáng tạo, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi.

- Một số nội dung quan điểm không có trong Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 nhưng cần chú ý tới trong giai đoạn chiến lược mới và trong văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030:

- + Nhấn mạnh vai trò đột phá chiến lược của KH,CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội.
- + Chú trọng phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia tiên tiến phù hợp với đặc thù của Việt Nam. Doanh nghiệp là trung tâm trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ thống đổi mới sáng tạo ngành và hệ thống đổi mới sáng tạo vùng ở nước ta.
- + Kết hợp giữa ứng dụng và sáng tạo công nghệ.
- + Kết hợp giữa nội lực, ngoại lực trong phát triển KH,CN&ĐMST.
- + Kết hợp giữa phát triển tuần tự và nhảy vọt trong phát triển KH,CN&ĐMST.
- + Đẩy mạnh tiếp thu thành tựu KH,CN&ĐMST thế giới, đặc biệt là chủ động, tích cực tiếp cận và tận dụng triệt để những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.
- + Phát triển KH,CN&ĐMST phải thực sự là trách nhiệm của các ngành, các cấp, của Nhà nước và xã hội. Mỗi bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp cần có những hành động cụ thể, thiết thực thúc đẩy KH,CN&ĐMST và gắn kết KH,CN&ĐMST với phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. So sánh với Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định mô hình phát triển đất nước và qua đó cũng cho thấy mô hình phát triển KH,CN&ĐMST của Việt Nam giai đoạn 10 năm tới. Có thể nhấn mạnh điểm cốt lõi trong phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn từ nay đến năm 2030 ở Việt Nam là: vai trò đột phá của KH,CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo, tiếp cận Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Các điểm cốt lõi là đặc trưng của mô hình phát triển KH,CN&ĐMST phải được thể hiện trong quan điểm phát triển. Đồng thời, từ yêu cầu phải tích cực cạnh tranh trong tiếp cận cơ hội chung, đối phó với xu hướng hạn chế chia sẻ bí quyết công nghệ, đề cao độc lập trong phát triển kinh tế..., có thể chú ý thêm một số điểm quan trọng nữa là vai trò của doanh nghiệp trong phát triển KH,CN&ĐMST hướng tới độc lập công nghệ.

Ngoài định hướng chung về mô hình phát triển KH,CN&ĐMST, Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng đề cập tới một số nội dung về vai trò của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội và quan hệ giữa độc lập công nghệ với độc lập kinh tế:

- Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, tiên bộ KH&CN, đổi mới sáng tạo và việc làm thỏa đáng cho người lao động.
- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ KH&CN ngày càng cao, đi đôi với hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phát triển KH,CN&ĐMST là một đột phá chiến lược.
- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở làm chủ công nghệ đi đôi với chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế.

Đó là những căn cứ để xác định một số quan điểm cụ thể trong Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030.

1.3. So sánh với Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của một số nước

Trong chiến lược KH,CN&ĐMST của các nước đều coi trọng quan điểm phát triển. So sánh quan điểm của Việt Nam và của các nước nhằm làm rõ về tính chất tương thích và khác biệt trong cách thức phát triển KH,CN&ĐMST. Điều này có được thông qua các phân tích về trình độ phát triển, bối cảnh phát triển, lựa chọn cách tiếp cận, lựa chọn cách trình bày văn bản chiến lược... Có thể nêu ra một số so sánh nổi bật sau:

Về vai trò của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Một số quan điểm bên ngoài có sự tương đồng với quan điểm của Việt Nam giai đoạn 10 năm tới như: Nhìn dài hạn, đi trước bố trí nghiên cứu công nghệ mũi nhọn và nghiên cứu cơ bản, tạo nhu cầu thị trường mới, nuôi dưỡng công nghiệp mới nổi, hướng dẫn phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai (Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020 của Trung Quốc); Tăng tối đa sự ứng dụng và thúc đẩy phát triển KH&CN như một công cụ để duy trì phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo an ninh quốc gia (Chính sách KH&CN quốc gia của Malaixia cho thế kỷ 21); Xuất phát từ nhu cầu cấp bách của hiện thực, tập trung đột phá những công nghệ then chốt lớn và mang tính chung, hỗ trợ kinh tế - xã hội phát triển hài hòa và bền vững (Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020 của Trung Quốc).

- Một số quan điểm bên ngoài khác với quan điểm của Việt Nam giai đoạn 10 năm tới như: Vừa chú trọng mở rộng hoạt động KH&CN nhằm tranh thủ những thành quả sẵn có để giải quyết vấn đề đang đặt ra, vừa chú trọng sáng tạo những thành quả nghiên cứu mới tạo ra giá trị mới (Kế hoạch cơ bản về KH&CN lần thứ 4 của Nhật Bản 2011-2015); Nâng cao vai trò của KH&CN trong sự phát triển của đất nước thông qua việc tập trung năng lực và nguồn lực của KH&CN quốc gia nhằm giải quyết các thách thức kinh tế và xã hội của các ngành công nghiệp ưu tiên như thăm dò khoáng sản, khai khoáng, nông nghiệp và năng lượng (Kế hoạch tổng thể KH&CN Mông Cổ giai đoạn 2007-2020); Tăng cường năng lực quốc gia để thương mại hóa kết quả đầu ra nghiên cứu và phát triển thành các cạnh tranh sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường (Chính sách KH&CN quốc gia của Malaixia cho thế kỷ 21); Tập trung nguồn lực trí tuệ, tài chính, tổ chức và cơ sở hạ tầng vào hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, tạo ra sản phẩm và dịch vụ cần thiết để đáp ứng những thách thức lớn mà Liên bang Nga phải đối mặt (Chiến lược phát triển KH&CN của Liên bang Nga giai đoạn 2017-2025).

Về phối hợp giữa Nhà nước và xã hội trong phát triển KH,CN&ĐMST

Có một số quan điểm bên ngoài khác với quan điểm của Việt Nam giai đoạn 10 năm tới như: Nguyên tắc trong áp dụng quan hệ đối tác công - tư về nghiên cứu và phát triển và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế (Kế hoạch tổng thể KH&CN Mông Cổ giai đoạn 2007-2020); Nhà nước cần thực hiện “chính sách cùng xã hội sáng tạo, tăng cường đối thoại với dân, chia sẻ thông tin để tranh thủ sự hiểu biết, tin tưởng và ủng hộ của dân (Kế hoạch cơ bản về KH&CN lần thứ 4 của Nhật Bản 2011-2015); Gia tăng sự hỗ trợ và sự tham gia tích cực của cộng đồng trong phát triển các lĩnh vực KH&CN có liên quan đến cuộc sống hàng ngày của người dân trên cơ sở phù hợp với các tiêu chuẩn và đạo đức được chấp nhận (Chính sách KH&CN quốc gia của Malaixia cho thế kỷ 21).

Về tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên của quốc gia

Một số quan điểm bên ngoài có sự tương đồng với quan điểm của Việt Nam giai đoạn 10 năm tới như: Kiên trì lựa chọn công việc, lựa chọn các lĩnh vực then chốt có cơ sở và lợi thế nhất định liên quan đến quốc kế dân sinh và an ninh quốc gia, tập trung lực lượng, trọng điểm đột phá, thực hiện phát triển kiểu nhảy vọt

(Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020 của Trung Quốc); Xuất phát từ nhu cầu cấp bách của hiện thực, tập trung đột phá những công nghệ then chốt lớn và mang tính chung, hỗ trợ kinh tế - xã hội phát triển hài hòa và bền vững (Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020 của Trung Quốc); Có một hiệu ứng đòn bẩy cao trong các khoản đầu tư công kích hoạt các khoản đầu tư lớn nhất có thể từ khu vực tư nhân với mục tiêu dài hạn đạt được một phần hai đến 70% các quỹ tư nhân trong tổng chi phí tìm kiếm và phát triển (Chiến lược nghiên cứu, công nghệ và đổi mới của Chính phủ Liên bang Áo giai đoạn 2011-2020).

2. Đề xuất quan điểm trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam đến năm 2030

Qua các phân tích nêu trên, có thể đề xuất quan điểm Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 như sau:

(1) Phát triển KH,CN&ĐMST là quốc sách hàng đầu. KH,CN&ĐMST phải là nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững đất nước; là lực lượng sản xuất trực tiếp, đóng vai trò đột phá chiến lược và là động lực chính của mô hình phát triển kinh tế - xã hội. KH,CN&ĐMST tập trung vào đóng góp cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

(2) Phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước và xã hội trong phát triển KH,CN&ĐMST. Tập trung đầu tư Nhà nước cho KH,CN&ĐMST vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên của quốc gia, đồng thời tăng cường huy động mọi nguồn lực trong xã hội, đặc biệt là đầu tư từ doanh nghiệp.

(3) Phát triển năng lực nội sinh hướng tới độc lập về công nghệ. Kết hợp giữa ứng dụng và sáng tạo công nghệ. Kết hợp giữa nội lực, ngoại lực trong phát triển KH,CN&ĐMST. Kết hợp giữa phát triển tuần tự và nhảy vọt trong phát triển KH,CN&ĐMST. Đẩy mạnh tiếp thu thành tựu KH,CN&ĐMST thế giới, đặc biệt là chủ động, tích cực tiếp cận và tận dụng triệt để những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

(4) Phát triển KH,CN&ĐMST phải thực sự là trách nhiệm của các ngành, các cấp, của Nhà nước và của xã hội. Mỗi bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp cần có những hành động cụ thể, thiết thực thúc đẩy KH,CN&ĐMST và gắn kết KH,CN&ĐMST với phát triển kinh tế - xã hội.

Mỗi quan điểm trên hàm chứa nội dung và ý nghĩa nhất định. Tại *quan điểm (1)*, vai trò của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2030 được xác định một cách cụ thể với:

- Thành phần bao gồm: KH,CN&ĐMST. Về KH&CN, bao gồm tất cả các lĩnh vực, các loại hình...
- Vai trò bao gồm: quốc sách hàng đầu; nền tảng thúc đẩy phát triển; lực lượng sản xuất trực tiếp; đột phá chiến lược; động lực.
- KH,CN&ĐMST tác động vào kinh tế - xã hội trên các mặt: phát triển nhanh và bền vững đất nước; mô hình phát triển kinh tế - xã hội; tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Ý nghĩa của quan điểm (1) là:

- Vai trò của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa nền tảng đối với phát triển KH,CN&ĐMST nước ta.

- Quan điểm về vai trò của KH,CN&ĐMST đối với phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng cho các quan điểm khác.

Tại *quan điểm (2)*, quan hệ giữa Nhà nước và xã hội trong phát triển KH,CN&ĐMST ở nước ta thời gian tới được xác định một cách cụ thể với:

- Hướng vào nâng cao hiệu quả phối hợp.
- Tập trung đầu tư Nhà nước cho KH,CN&ĐMST vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên của quốc gia.
- Trong xã hội thì đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của doanh nghiệp.
- Tiên đề để Nhà nước có thể tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên của quốc gia là tăng cường đầu tư từ xã hội.

Ý nghĩa của *quan điểm (2)* là:

- Phân vai giữa Nhà nước và xã hội có ý nghĩa rất quan trọng đối với xác định các nội dung khác nhau của văn bản Chiến lược KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030.

- Vấn đề nguồn lực có ý nghĩa rất quan trọng đối với xác định các nội dung khác nhau của văn bản Chiến lược KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030.

- Nhấn mạnh tới phạm vi của Nhà nước trong hoạt động KH,CN&ĐMST (nhiệm vụ KH&CN, tổ chức KH&CN, hạ tầng KH,CN&ĐMST...), quan hệ phối hợp giữa Nhà nước và xã hội, là vấn đề chính sách khuyến khích và hỗ trợ đối với doanh nghiệp về KH,CN&ĐMST.

Tại *quan điểm (3)*, phát triển năng lực nội sinh hướng tới độc lập về công nghệ được xác định trên các khía cạnh:

- Xác định các mặt cơ bản của phương thức phát triển KH,CN&ĐMST nước ta giai đoạn từ nay đến năm 2030 tập trung vào các quan hệ: kết hợp giữa ứng dụng và sáng tạo công nghệ; quan hệ bên trong và bên ngoài; phát triển tuần tự và nhảy vọt. Nói cách khác, phương thức phát triển KH,CN&ĐMST nước ta trong 10 năm tới được định vị thông qua các quan hệ cơ bản này.

- Nhấn mạnh độc lập công nghệ. Độc lập công nghệ vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để phát triển KH,CN&ĐMST nước ta trong thời gian tới. Độc lập công nghệ vừa là nâng cao vị thế về KH,CN&ĐMST, vừa là nâng cao vị thế về kinh tế - xã hội (bao gồm cả an ninh - quốc phòng).

- Lấy phương châm tích cực tiếp cận và tận dụng triệt để những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư làm nội dung cụ thể và trọng tâm của kết hợp giữa ứng dụng và sáng tạo công nghệ, quan hệ bên trong và bên ngoài, phát triển tuần tự và nhảy vọt.

- Tăng cường tính độc lập trong phát triển KH&CN. Cần xuất phát từ nâng cao năng lực đổi mới quốc gia, tăng cường đổi mới nguyên bản...

- Tập trung lực lượng, tạo sự phát triển nhảy vọt ở những lĩnh vực then chốt liên quan đến quốc kế dân sinh và an ninh quốc gia.

- Xuất phát từ nhu cầu cấp bách của thực tế, tập trung đột phá những công nghệ then chốt lớn và mang tính chung, hỗ trợ kinh tế - xã hội phát triển hài hòa và bền vững.

- Hướng đến tương lai, đi trước bố trí nghiên cứu công nghệ mũi nhọn và nghiên cứu cơ bản, tạo nhu cầu thị trường mới, nuôi dưỡng công nghiệp mới nổi, hướng dẫn phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

Ý nghĩa của quan điểm (3) là:

- Quan điểm về phương thức phát triển có ảnh hưởng rộng rãi tới nhiều phạm vi, nhiều chủ thể, nhiều đối tượng trong phát triển KH,CN&ĐMST ở nước ta đến năm 2030. Quan điểm về phương thức phát triển có liên quan tới việc xác định nhiều nội dung của mục tiêu, định hướng, giải pháp và tổ chức thực hiện trong Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030.

- Nhấn mạnh đến sự đòi hỏi phải nỗ lực từ nhiều phía và trên nhiều mặt... trong phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 ở nước ta.

Tại *quan điểm (4)*, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong phát triển KH,CN&ĐMST được xác định trên các khía cạnh:

- Nhấn mạnh trách nhiệm của nhiều phía trong phát triển KH,CN&ĐMST thời gian 10 năm tới: các ngành, các cấp, Nhà nước và xã hội.

- Trách nhiệm trong phát triển KH,CN&ĐMST và gắn KH,CN&ĐMST với phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện ở những hoạt động thiết thực.

Ý nghĩa của quan điểm (4) là:

- Vấn đề về trách nhiệm của các ngành, các cấp vốn là điểm nghẽn trong phát triển KH&CN ở nước ta từ nhiều năm qua. Điều này đã được nhận thức và khẳng định rõ: “Các cấp, các ngành, các cơ quan lãnh đạo kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ trung ương đến địa phương và cơ sở chưa nắm thật vững đường lối và nhiệm vụ của Đảng đề ra trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, chưa nhận thức đầy đủ vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật; Một số lớn cán bộ khoa học và kỹ thuật còn thiếu hiểu biết, hoặc chưa hiểu biết đầy đủ về đường lối kinh tế và đường lối cách mạng của Đảng, chưa thấy rõ mục tiêu kinh tế và xã hội chính là sức mạnh thúc đẩy sự phát triển của khoa học và kỹ thuật” (thuvienphapluat.vn, 1981); “Một số cấp ủy đảng và cấp chính quyền đã có nhận thức mới đối với KH&CN, nhưng nói chung chưa quan tâm đúng mức vị trí, vai trò của KH&CN trong công cuộc đổi mới, chưa coi khoa học là cơ sở cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và là nội dung quan trọng của công tác lãnh đạo và quản lý” (chinhphu.vn, 1991); “Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền chưa thật sự coi phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, chưa tập trung trí tuệ, công sức cho sự lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động KH&CN. Chưa nhận thức đầu tư cho KH&CN là đầu tư phát triển” (tulieuvankien.dangcongsan.vn, 1996); “Quan điểm KH&CN là nền tảng và động lực phát triển đất nước đã được khẳng định trong các nghị quyết của Đảng nhưng trên thực tế chưa được các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt đầy đủ và triển khai trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội” (thuvienphapluat.vn, 2003); “Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển KH&CN chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm” (most.gov.vn, 2012). Đã đến lúc cần có quan điểm về vấn đề được coi là một trong những nguyên nhân cơ bản cản trở sự phát triển KH&CN nước ta nhiều năm qua. Nhấn mạnh vào xử lý những vấn đề thuộc về nguyên nhân cũng có thể được coi là một bước tiến trong chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST nói chung và quan điểm phát triển KH,CN&ĐMST ở nước ta nói riêng.

- Ở các quan điểm trên đã đề ra định hướng KH,CN&ĐMST phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, vai trò của xã hội và doanh nghiệp trong phát triển KH,CN&ĐMST, gắn kết KH&CN với đổi mới sáng tạo. Những điều này đòi hỏi phải đề cao vai trò và trách nhiệm của các ngành, các cấp, Nhà nước và xã hội trong phát triển KH,CN&ĐMST và gắn kết KH,CN&ĐMST với kinh tế - xã hội. Chính các ngành, các cấp và xã hội là địa bàn quan trọng để phát triển KH,CN&ĐMST trong giai đoạn 10 năm tới.

- Vấn đề về trách nhiệm của các ngành, các cấp cũng liên quan tới đột phá về đổi mới thể chế được khẳng định trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030.

Kết luận

Phát triển KH,CN&ĐMST ở nước ta đến năm 2030 bao gồm nhiều mặt, nhiều mối quan hệ và nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết. Do đó, phải đổi mới với nhiều sự lựa chọn mang tính chiến lược. Tuy nhiên, trong phần quan điểm của văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 chỉ có thể trình bày một số nội dung cần tập trung thể hiện. Những nội dung trong phần quan điểm của văn bản này phải gắn với:

- Những vấn đề nền tảng, cốt lõi, chi phối sự phát triển chung về KH,CN&ĐMST ở nước ta đến năm 2030; những nội dung nền tảng, cốt lõi, chi phối các phần khác trong văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 (cụ thể phần về mục tiêu, định hướng, giải pháp và tổ chức thực hiện).

- Những vấn đề gặp nhiều khó khăn trong giải quyết như phải tập hợp nhiều nguồn lực và trong thời gian dài, có mâu thuẫn trong tính toán định hướng phát triển chiến lược và mâu thuẫn về lợi ích giữa các thành phần có liên quan.

- Những vấn đề liên quan tới nhận thức mới, thay đổi quan niệm cơ bản về phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Đó cũng là những nội dung mới có tính đột phá cho giai đoạn phát triển mới.

Các nội dung đề xuất đưa vào quan điểm văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 có mối quan hệ phối hợp trong một hệ thống. Tính hệ thống trong quan điểm phát triển KH,CN&ĐMST thể hiện rõ trên các điểm sau:

- Các quan điểm khác nhau thể hiện những mối quan hệ cơ bản theo các hướng khác nhau trong phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Đó là các mối quan hệ cơ bản giữa phát triển KH,CN&ĐMST với phát triển kinh tế - xã hội; giữa Nhà nước và xã hội; giữa KH,CN&ĐMST; giữa quan hệ bên trong và bên ngoài; giữa các phương thức phát triển; giữa các ngành, các cấp.

- Một số quan điểm cụ thể có những quan hệ phối hợp, làm rõ cho nhau. Chẳng hạn, nhấn mạnh tăng cường đầu tư cho KH,CN&ĐMST từ doanh nghiệp gắn với vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; kết hợp giữa ứng dụng và sáng tạo công nghệ gắn với kết hợp giữa nội lực, ngoại lực trong phát triển KH,CN&ĐMST; kết hợp giữa phát triển tuần tự và nhảy vọt trong phát triển KH,CN&ĐMST gắn với tích cực tiếp cận và tận dụng triệt để những thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư...

- Quan điểm trong văn bản Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030 được phát huy thông qua hệ thống các quan điểm phối hợp thống nhất với nhau. Sự tồn tại của từng quan điểm gắn với sự tồn tại của hệ thống quan điểm chung. Đặt trong hệ thống chung, mỗi quan điểm cụ thể được định vị rõ hơn vai trò, ý nghĩa và nội hàm phản ánh.

Tài liệu tham khảo

1. *Chiến lược nghiên cứu, công nghệ và đổi mới của Chính phủ Liên bang Áo giai đoạn 2011-2020*. Ban hành kèm theo Quyết định của Chính phủ Liên bang Áo ngày 8/3/2011. https://era.gv.at/public/documents/1969/RTI_Strategy.pdf. Ngày truy cập 5/7/2018.
2. *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Liên bang Nga giai đoạn 2017-2025*. Ban hành kèm theo Quyết định của Tổng thống Liên bang Nga ngày 1/12/2016. <https://online.mai.ru/StrategySTD%20RF.pdf>. Ngày truy cập 5/7/2020.
3. *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010*. Ban hành kèm theo Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-272-2003-QĐ-TTg-Chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-Viet-Nam-den-nam-2010-52433.aspx>. Ngày truy cập 14/6/2020.
4. *Chính sách khoa học và công nghệ quốc gia của Malaixia cho thế kỷ 21*. www.mosti.gov.my/mosti/images/pdf/dstn2bi.pdf. Ngày truy cập 2/3/2017.
5. *Đề cương quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ trung hạn và dài hạn quốc gia 2006-2020 của Trung Quốc*. Ban hành kèm theo Quyết định của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 9/2/2006. https://www.itu.int/en/ITU-D/Cybersecurity/Documents/National_Strategies_Repository/China_2006.pdf. Ngày truy cập 20/4/2010.
6. *Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 4 của Nhật Bản 2011-2015*. Ban hành theo Quyết định của Chính phủ Nhật Bản ngày 19/8/2011.
7. *Kế hoạch tổng thể khoa học và công nghệ Mông Cổ giai đoạn 2007-2020*. Ban hành kèm theo Nghị quyết của Chính phủ Mông Cổ ngày 3/1/2007. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000151490>. Ngày truy cập 23/7/2010.
8. *Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 20/4/1981 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật*. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/NQ-TW>. Ngày truy cập 14/6/2020.
9. *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới*. <http://www2.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungchienluockhoahoccongnghet?categoryId=845&articleId=3076>. Ngày truy cập 13/5/2020.
10. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) Số 02-NQ/HNTW, ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-viii/nghi-quiet-hoi-nghi-lan-thu-hai-so-02-nqhtw-bchtw-dang-khoa-viii-ve-dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-668>. Ngày truy cập 20/5/2020.
11. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. <https://www.most.gov.vn/vn/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=28354&TypeVB=1>. Ngày truy cập 15/5/2020.
12. *Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/4/2012 Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020*. <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=157381&tagid=324&type=1>. Ngày truy cập 15/5/2020.